

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ - TIN HỌC

LỆ PHÍ KIỂM TRA  
NĂNG LỰC TIẾNG ANH, TIN HỌC QUỐC TẾ NĂM 2023

(Đính kèm Công văn số: 90/NN-TH, ngày 30 tháng 12 năm 2022)

Đơn vị tính: VNĐ

Đơn vị tính: VNĐ

| STT | CHỨNG CHỈ                                             | Lệ phí             | Ghi chú  |
|-----|-------------------------------------------------------|--------------------|----------|
| I   | TIẾNG ANH CỦA HỘI ĐỒNG KHẢO THÍ GIÁO DỤC PEARSON      |                    |          |
|     | Thiếu nhi                                             |                    |          |
| 1   | Firstwords                                            | 550.000/1 cấp độ   | 4 cấp độ |
| 2   | Springboard                                           |                    |          |
| 3   | Quickmarch                                            |                    |          |
| 4   | Breakthrough                                          |                    |          |
|     | Tổng quát                                             |                    |          |
| 5   | Foundation                                            | 1.000.000/1 cấp độ | 5 cấp độ |
| 6   | Level 1                                               |                    |          |
| 7   | Level 2                                               |                    |          |
| 8   | Level 3                                               |                    |          |
| 9   | Level 4                                               |                    |          |
| II  | TIẾNG ANH CỦA HỘI ĐỒNG KHẢO THÍ ĐẠI HỌC CAMBRIDGE     |                    |          |
|     | Thiếu nhi                                             |                    |          |
| 1   | Starters                                              | 700.000            |          |
| 2   | Movers                                                | 775.000            |          |
| 3   | Flyers                                                | 850.000            |          |
|     | Tổng quát                                             |                    |          |
| 4   | KET                                                   | 925.000            |          |
| 5   | PET                                                   | 1.000.000          |          |
| 6   | FCE                                                   | 1.660.000          |          |
| III | TIẾNG ANH TOEFL CỦA HỘI ĐỒNG KHẢO THÍ GIÁO DỤC HOA KỲ |                    |          |
|     | Thiếu nhi                                             |                    |          |
| 1   | Primary                                               | 650.000            |          |
|     | Tổng quát                                             |                    |          |
| 2   | Junior                                                | 920.000            |          |
| 3   | ITP                                                   | 1.115.000          |          |
| IV  | TIẾNG ANH IELTS                                       | 4.750.000          |          |
| V   | TIN HỌC CỦA CERTIPORT HOA KỲ                          |                    |          |
| 1   | IC3 Spark                                             | 620.000/1 cấp độ   | 2 cấp độ |
| 2   | IC3                                                   |                    |          |